TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **44**/2024/DS-PT
Ngày: 22/02/2024
V/v:"Tranh chấp chia thừa kế là quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tồn**

Các thẩm phán: Ông **Nguyễn Tấn Long**

Bà **Trần Thị Kim Liên**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Duy Hoàng** Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Thắng -** Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 290/2023/TBTL-TA ngày 22 tháng 11 năm 2023, về việc: "*Tranh chấp chia thừa kế là quyền sử dụng đất*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2023/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 106 /2024/QĐPT-DS ngày 29 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn*:** Bà Đặng Thị M, sinh năm 1952 (Tên gọi khác: T)

Cư trú tại: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1992; cư trú tại khu dân cư S, thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi, theo văn bản ủy quyền ngày 4/5/2023, có mặt.

- Bị đơn:

1. Ông Đặng Phương T1, sinh năm 1956.

2. Bà Ngô Thị N, sinh năm 1958.

Cùng cư trú tại: Tổ G, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy L1, sinh năm 1971; cư trú tại số I đường P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, theo văn bản ủy quyền ngày 17/4/2023, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

1. Bà Đặng Thị V, sinh năm 1949.

Cư trú tại: Tổ H, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị V*:* Bà Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1992; cư trú tại khu dân cư S, thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi, theo văn bản ủy quyền ngày 26/4/2023, có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1949.

3. Ông Đặng Văn M1, sinh năm 1989.

4. Bà Đặng Thị B, sinh năm 1970.

5. Ông Đặng Văn C, sinh năm 1994.

Cùng cư trú tại: Thôn C, xã K, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

6. Bà Đặng Thị L3, sinh năm 1983.

Cư trú tại: Thôn G, xã K, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

7. Bà Đặng Thị T2, sinh năm 1976.

Cư trú tại: K, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

8. Ông Đặng Văn K, sinh năm 1966.

Cư trú tại: Số A đường T, phường D, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

9. Ông Đặng Văn H, sinh năm 1981.

Cư trú tại: Thôn Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

10. Bà Đặng Thị Đ, sinh năm 1973.

Cư trú tại: Thôn S, xã S, huyện T, tỉnh Phú Yên.

11. Ông Đặng Văn H1, sinh năm 1969.

Cư trú tại: Tổ G, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L2*, ông* Đặng Văn M1*, bà* Đặng Thị B*, ông* Đặng Văn C*, bà* Đặng Thị L3*, bà* Đặng Thị T2*, ông* Đặng Văn H1*, ông* Đặng Văn H*, bà* Đặng Thị Đ*, ông* Đặng Văn K*:* Bà Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1992; cư trú tại khu dân cư S, thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi, theo văn bản ủy quyền ngày 4/5/2023, 21/6/2023, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đặng Phương L4, sinh năm 1979.

2. Bà Lê Thị K1, sinh năm 1980.

Ông Đặng Phương L4, bà Lê Thị K1 ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Thùy L1, sinh năm 1971; cư trú tại số I đường P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, theo văn bản ủy quyền ngày 6/6/2023, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Cháu Đặng Bảo H2, sinh năm 2005.

4. Cháu Đặng Bảo N1, sinh năm 2012.

Người đại diện theo pháp luật của cháu H2 *và cháu* N1: Ông Đặng Phương L4 và bà Lê Thị K1 là cha, mẹ cháu H2, cháu N1.

Cùng cư trú tại: Tổ G, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Bà Đặng Phương L5, sinh năm 1981.

Bà Đặng Phương L5 ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Thùy L1, sinh năm 1971; cư trú tại số I đường P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, theo văn bản ủy quyền ngày 6/6/2023, có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Cháu Đoàn Đặng Uyển N2, sinh năm 2008.

7. Cháu Đoàn Đặng Hải Y, sinh năm 2009.

8. Cháu Đoàn Đặng Thùy T3, sinh năm 2018.

Người đại diện theo pháp luật của cháu N2*, cháu* Y*, cháu* T3: Bà Đặng Phương L5 là mẹ của cháu N2, cháu Y, cháu T3.

Cùng cư trú tại: Tổ G, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

9. Ông Đặng Phương L6, sinh năm 1983.

10. Bà Nguyễn Thị Hoài D, sinh năm 1982.

Ông Đặng Phương L6, bà Nguyễn Thị Hoài D ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Thùy L1, sinh năm 1971; cư trú tại số I đường P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có đơn xin xét xử vắng mặt.

11. Cháu Đặng Duy K2, sinh năm 2011.

12. Cháu Đặng Thị Anh T4, sinh năm 2015.

Người đại diện theo pháp luật của cháu K2 *và cháu* T4: Ông Đặng Phương L6 và bà Nguyễn Thị Hoài D là cha, mẹ cháu K2, cháu T4.

Cùng cư trú tại: Tổ G, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

13. Ông Phạm Bá T5, sinh năm 1979.

14. Bà Đinh Thị Mỹ C1, sinh năm 1981.

15. Cháu Phạm Minh H3, sinh năm 2007.

16. Cháu Phạm Khả L7, sinh năm 2013.

Người đại diện theo pháp luật của cháu H3 *và cháu* L7: Ông Phạm Bá T5 và bà Đinh Thị Mỹ C1 là cha, mẹ cháu H3, cháu L7.

Cùng cư trú tại: Tổ G, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

17. Ông Bùi Phụ K3, sinh năm 1984.

Cư trú tại: Tổ G, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

18. Ông Bùi T6, sinh năm 1978.

19. Bà Trần Thị Xuân A, sinh năm 1977.

20. Anh Bùi Phụ T7, sinh năm 1999.

21. Cháu Bùi Thị Kiều A1, sinh năm 2006.

Cùng cư trú tại: Tổ G, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

22. Ông Võ Hoàng P, sinh năm 1976.

23. Bà Huỳnh Thị D1, sinh năm 1986.

Cùng cư trú tại: Tổ G, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

24. Ông Đinh Văn H4, sinh năm 1991.

25. Bà Đỗ Thị Thanh D2, sinh năm 1991.

Cùng cư trú tại: Tổ G, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

26. Ông Đỗ Thanh D3, sinh năm 1957.

27. Bà Lê Thị Ngọc T8, sinh năm 1964.

Cùng cư trú tại: Thôn D, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

28. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q.

Địa chỉ trụ sở: Số A đường H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức T9 – Quyền Giám đốc.

Người kháng cáo: Bà Đặng Thị M là nguyên đơn; bà Đặng Thị V, ông Đặng Văn M1, bà Đặng Thị B, ông Đặng Văn C, bà Đặng Thị L3, bà Đặng Thị T2, ông Đặng Văn K, ông Đặng Văn H, bà Đặng Thị Đ, ông Đặng Văn H1 là những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa: Bà Thanh L8, bà Thùy L9 có mặt, những người còn lại vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà* Đặng Thị M *và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị* Nguyễn Thị Thanh L *trình bày:*

Cha mẹ bà M là cụ Đặng Văn P1 (chết năm 1991) và cụ Đào Thị D4 (chết năm 1993) sinh được 04 người con gồm: Ông Đặng Văn S (chết năm 2009), ông Đặng Phương T1, bà Đặng Thị M, bà Đặng Thị V. Ngoài ra, cụ P1 và cụ D4 không có con nuôi hoặc con riêng nào nữa.

Ông Đặng Văn S và vợ là bà Nguyễn Thị L2 có 09 người con chung là: Đặng Văn H1, Đặng Văn M1, Đặng Thị T2, Đặng Thị B, Đặng Thị L3, Đặng

Văn K, Đặng Văn H, Đặng Văn C, Đặng Thị Đ. Ngoài ra, ông S và bà L2 không có con nuôi hoặc con riêng nào nữa.

Cụ Đặng Văn P1 và cụ Đào Thị D4 tạo lập được 01 mảnh vườn và làm nhà ở từ năm 1960, do chiến tranh nên giấy tờ bị thất lạc. Thực hiện theo Chỉ thị 299/TTg, cụ P1 đăng ký kê khai và đứng tên chủ sử dụng đất theo mẫu 5b đối với thửa đất số 313, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.570m^2 (loại ruộng đất T), tại trang 188, số thứ tự 19, quyển số 02, phường Q. Cụ P1 và cụ D4 quản lý, sử dụng thửa đất 313 đến tháng 12 năm 1991 thì cụ P1 chết, cụ D4 tiếp tục sử dụng đến năm 1993 thì cụ D4 chết.

Ngày 05/01/1991 ông Đặng Phương T1 tự ý làm bản giấy cắt vườn không có mặt và chữ ký của ba chị em là Đặng Thị M, Đặng Thị V và Đặng Văn S, lúc này cụ P1 già yếu nên việc cắt đất vườn này là do ông T1 tự ý lập, không có sự đồng ý của cụ P1, cụ D4. Sau khi cha mẹ qua đời, dựa trên giấy cắt vườn năm 1991, ông T1 đã tự ý chia đôi mảnh vườn này ra làm hai, ông T1 một nửa và ông Đặng Văn S một nửa. Đối với phần đất của mình, ông T1 kê khai không có sự đồng ý của các đồng thừa kế, được UBND thành phố Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết gọn là GCNQSDĐ) của thửa đất số 542, tờ bản đồ số 6, phường Q, thành phố Q có diện tích 1.217,5m^2 vào ngày 15/5/2006 đứng tên ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N. Sau đó ông T1, bà N làm nhà ở trên thửa đất 542, bà M thấy ông T1 làm nhà thì chỉ nghĩ vườn cha mẹ chia cho con trai ở nên bà M không có ý kiến gì. Đến đầu năm 2008, ông T1, bà N xin cấp đổi và được Ủy ban nhân dân (viết gọn là UBND) thành phố Q cấp đổi GCNQSDĐ vào ngày 31/01/2008 tại thửa đất số 542, tờ bản đồ số 6, phường Q, thành phố Q, diện tích tăng lên 1.324,9m^2, diện tích tăng là do ông T1 lấn đường đi. Việc ông T1, bà N kê khai để xin cấp GCNQSDĐ và cấp đổi GCNQSDĐ nêu trên thì bà M hoàn toàn không biết.

Phần đất còn lại chia cho ông Đặng Văn S có nhà thờ của cha mẹ bà M để lại. Sau khi ông S chết, bà Nguyễn Thị L2 làm thủ tục kê khai đã được UBND thành phố Q cấp GCNQSDĐ số vào sổ CH 07904, số phát hành BP 391596 của thửa đất 466, diện tích 1.329,1m², tờ bản đồ số 6, phường Q, vào ngày 02/07/2013. Hiện nay trên thửa đất 466 có nhà thờ của cha mẹ bà M, do ông Đặng Văn H1 là cháu đích tôn đang ở quản lý sử dụng và thờ cúng, giỗ chạp nên bà không yêu cầu chia di sản thừa kế thửa đất này.

Ngày 15/11/2015, ông Đặng Phương T1 làm giấy xác nhận quyền thừa kế khai nhưng phần về nhân thân chỉ có hai anh em là Đặng Văn S và Đặng Phương T1, không có tên bà Đặng Thị M và bà Đặng Thị V, giấy xác nhận quyền thừa kế sử dụng đất vườn nhà ở hợp pháp được UBND phường Q chứng thực ngày 09/03/2006. Việc ông T1 và ông S tự thỏa thuận chia thửa đất số 313, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.570m^2 của cụ P1, cụ D4 đã xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của bà M.

Đến năm 2008, ông T1 và bà N làm thủ tục xin tách thửa đối với thửa đất 542 thành 02 thửa đất, cụ thể như sau:

- GCNQSDĐ của thửa đất 2623, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.222,5m² được UBND thành phố Q cấp ngày 11/8/2008 cho ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N.

- GCNQSDĐ của thửa đất 2624, tờ bản đồ số 6, diện tích 102,4m² được UBND thành phố Q cấp ngày 11/8/2008 cho ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N.

Tháng 5/2009, ông T1 và bà N làm thủ tục xin tách thửa đối với thửa đất 2623 thành 02 thửa đất, cụ thể như sau:

- GCNQSDĐ của thửa 2770, tờ bản đồ số 06 diện tích 1.113m² được UBND thành phố Q cấp ngày 22/5/2009 cho ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N.

- GCNQSDĐ của thửa 2771, tờ bản đồ số 06 diện tích 109,5m² được UBND thành phố Q cấp ngày 22/5/2009 cho ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N.

Tháng 6/2009, ông T1 và bà N làm thủ tục xin tách thửa đối với thửa đất 2770 thành 02 thửa đất, cụ thể như sau:

- GCNQSDĐ của thửa 2787, tờ bản đồ số 06, diện tích 116m² được UBND thành phố Q cấp ngày 15/6/2009 cho ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N.

- GCNQSDĐ của thửa 2788, tờ bản đồ số 06, diện tích 997m² được UBND thành phố Q cấp ngày 15/6/2009 cho ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N.

Tháng 12/2015, ông T1 và bà N làm thủ tục xin tách thửa đối với thửa đất 2788 thành 06 thửa đất, cụ thể như sau:

- GCNQSDĐ của thửa 3977, tờ bản đồ số 06, diện tích 222,6m², phường Q được UBND thành phố Q cấp ngày 20/01/2016 cho ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N. Đến ngày 30/12/2017 ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N được UBND thành phố Q cấp đổi GCNQSDĐ của thửa 249, tờ bản đồ số 27, diện tích 248,8m².

- GCNQSDĐ của thửa 3978, tờ bản đồ số 06, diện tích 317,6m², phường Q được UBND thành phố Q cấp ngày 20/01/2016 cho ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N.

- GCNQSDĐ của thửa 3979, tờ bản đồ số 06, diện tích 89,8m² được UBND thành phố Q cấp ngày 20/01/2016 cho ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N. Đến ngày 30/12/2017 ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N được UBND thành phố Q cấp đổi GCNQSDĐ của thửa 251, tờ bản đồ số 27, diện tích 96m².

- GCNQSDĐ của thửa 3980, tờ bản đồ số 06, diện tích 113,1m², phường Q được UBND thành phố Q cấp ngày 20/01/2016 cho ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N. Đến ngày 30/12/2017 ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N được UBND thành phố Q cấp đổi GCNQSDĐ của thửa 252, tờ bản đồ số 27, diện tích 112,7m².

- GCNQSDĐ của thửa 3981, tờ bản đồ số 06, diện tích 113,8m², phường Q được UBND thành phố Q cấp ngày 20/01/2016 cho ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N. Đến ngày 30/12/2017 ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N được UBND thành phố Q cấp đổi GCNQSDĐ của thửa 253, tờ bản đồ số 27, diện tích 113,2m².

- GCNQSDĐ của thửa 3982, tờ bản đồ số 06, diện tích 114,5m², phường Q được UBND thành phố Q cấp ngày 20/01/2016 cho ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N.

Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất như sau:

- Ngày 27/10/2009, ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Bùi Phụ K3 thửa đất 2624, tờ bản đồ số 06, diện tích 102,4m^2 phường Q, do Phòng C2 tỉnh Quảng Ngãi công chứng số 4193 quyển số 05 TP/CC-SCC/HĐGD (nay được cấp đổi GCNQSDĐ của thửa 257, tờ bản đồ số 27, diện tích 104,1m^2 phường Q do UBND thành phố Q cấp ngày 30/12/2017 đứng tên ông Bùi Phụ K3, hiện nay trên đất có gia đình em trai ông K3 là ông Bùi T6 đang sống trên đất).

- Ngày 06/6/2009, ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N lập hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ cho ông Phạm Bá T5, bà Đinh Thị Mỹ C1 thửa đất 2771, tờ bản đồ số 6, diện tích 109,5m² phường Q, được Phòng C2 tỉnh Quảng Ngãi, công chứng số 1638 quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD (Hiện nay ông T5, bà C1 được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Q cấp đổi GCNQSDĐ thành thửa 256 tờ bản đồ 27, diện tích 111,1m² phường Q).

- Ngày 03/9/2009, ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N lập hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ cho ông Võ Hoàng P, bà Huỳnh Thị D1 thửa đất 2787 tờ bản đồ số 6, diện tích 116m² phường Q, được Phòng C2 tỉnh Quảng Ngãi, công chứng số 3326, quyển số 04 TP/CC-SCC/HĐGD (Hiện nay ông P, bà D1 được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Q cấp đổi GCNQSDĐ thành thửa 255, tờ bản đồ số 27, diện tích 111,2m² phường Q).

- Ngày 22/02/2016, ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N lập hợp đồng tặng cho QSDĐ cho ông Đặng Phương L4, bà Lê Thị K1 thửa đất 3978, tờ bản đồ số 06, diện tích 317,6m² phường Q, được Phòng C2 tỉnh Quảng Ngãi, công chứng số 681 quyển số 02 TP/CC-SCC/HĐGD (Hiện nay ông L4, bà K4 được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Q cấp đổi GCNQSDĐ thành thửa 250, tờ bản đồ số 27, diện tích 319,1m² phường Q).

- Ngày 11/7/2016, ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N lập hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ cho ông Đỗ Thanh D3 thửa đất 3982, tờ bản đồ số 06, diện tích 114,5m² phường Q, được Phòng C2 tỉnh Quảng Ngãi, công chứng số 3433 quyển số 07 TP/CC-SCC/HĐGD, ông Đỗ Thanh D3 được chỉnh lý tại trang 3 của GCNQSDĐ vào ngày 28/7/2016. Đến ngày 30/12/2017 ông Đỗ Thanh D3 được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Q cấp đổi GCNQSDĐ số vào số CS13919 tại thửa 254, tờ bản đồ số 27, diện tích: 112,3m² phường Q. Đến ngày 19/12/2019 ông Đỗ Thanh D3 làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất

cho ông Đinh Văn H4, bà Đỗ Thị Thanh D2 thửa đất 254. Đến ngày 04/2/2020, ông H4 và bà D5 được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Q cấp GCNQSDĐ số CS23055 tại thửa đất 254 tờ bản đồ số 27, diện tích 112,3m² phường Q, thành phố Q.

Như vậy, thửa đất 542 của cụ P1, cụ D4 hiện nay biến động thành các thửa đất 249, 250, 251, 252, 253, 254, 255, 256, 257, cùng tờ bản đồ số 27, phường Q, thành phố Q. Cha mẹ bà M chết không để di chúc nên di sản thừa kế phải được chia thừa kế theo pháp luật cho các con.

Bà Đặng Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những nội dung sau:

- Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N với ông Bùi Phụ K3 tại thửa đất 2624, tờ bản đồ số 06, diện tích 102,4m^2 phường Q, nay là thửa 257, tờ bản đồ số 27, diện tích 104,1m^2 phường Q, do Phòng C2 tỉnh Quảng Ngãi công chứng số 4193 quyển số 05 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/10/2009 là vô hiệu.

- Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N với ông Đỗ Thanh D3 tại thửa đất số 3982, tờ bản đồ số 06, diện tích 114,5m^2 phường Q, nay là thửa 254 tờ bản đồ số 27, diện tích 113,2m^2 phường Q do Phòng C2 tỉnh Quảng Ngãi công chứng số 3433 quyển số 07 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/7/2016 là vô hiệu.

- Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N với ông Phạm Bá T5, bà Đinh Thị Mỹ C1 tại thửa đất số 2771, tờ bản đồ số 6, diện tích 109,5m^2 phường Q, nay được cấp đổi thành thửa 256 tờ bản đồ số 27, diện tích 111,1m^2 phường Q, do Phòng C2 tỉnh Quảng Ngãi công chứng số 1638 quyển số 2 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06/6/2009 là vô hiệu.

- Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N với ông Đặng Phương L4, bà Lê Thị K1 tại thửa đất 3978 tờ bản đồ số 6, diện tích 317,6m^2 phường Q, nay được cấp đổi thành thửa 250, tờ bản đồ số 27, diện tích 319,1m^2 phường Q, do Phòng C2 tỉnh Quảng Ngãi công chứng số 681 quyển số 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/02/2016 là vô hiệu.

- Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N với ông Võ Hoàng P, bà Huỳnh Thị D1 tại thửa đất 2787 tờ bản đồ số 6, diện tích 116m^2 phường Q, nay được cấp đổi thành thửa 255, tờ bản đồ số 27, diện tích 111,2m^2 phường Q, do Phòng C2 tỉnh Quảng Ngãi công chứng số 3326 quyển số 04 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/9/2009 là vô hiệu.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 30/12/2017 cho ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N đối với thửa đất 249, tờ bản đồ số 27, diện tích 248,8m^2 phường Q, số vào sổ CS14082.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS14081 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 30/12/2017 cho ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N tại thửa đất 251, tờ bản đồ số 27, diện tích 96m^2 phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 30/12/2017 cho ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N đối với thửa đất số 252, tờ bản đồ số 27, diện tích 111,2m^2 phường Q, số vào sổ cấp GCN: CS14080.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 30/12/2017 cho ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N đối với thửa đất số 253, tờ bản đồ số 27, diện tích 113,1m^2 phường Q, số vào sổ cấp GCN: CS14079.

- Yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của cụ P1, cụ D4 tại thửa đất 452, tờ bản đồ số 6, phường Q được biến động là 1.328,5m^2. Chia thành 04 kỷ phần, gồm 3 đồng thừa kế là Đặng Phương T1, Đặng Thị V và Đặng Thị M (T) mỗi kỷ phần là 332,1m^2 (1328,5m^2 : 4 phần), cụ thể:

+ Bà Đặng Thị M nhận 01 kỷ phần là 332,1m^2. Trong đó có diện tích đất khoảng 27m^2 là con đường đất đi vào nhà thờ ông bà, cha mẹ của bà mà hiện nay ông T1, bà N đang quản lý con đường này, dài 15m, ngang, rộng khoảng 1,5m. Giá trị kỷ phần bà yêu cầu được nhận có giá khoảng 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Bà M yêu cầu nhận bằng hiện vật.

+ Ông Đặng Phương T1 được nhận 2 kỷ phần 664,2m^2 (01 kỷ phần chia theo pháp luật và 01 kỷ phần công trông coi gìn giữ di sản thừa kế).

+ Bà Đặng Thị V nhận 01 kỷ phần là 332,1m^2.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày 28/8/2023 bà Đặng Thị M và người đại diện theo ủy quyền xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, đó là yêu cầu tuyên bố các hợp đồng chuyển nhượng, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu.

Bà Đặng Thị M *xác định lại yêu cầu Tòa án giải quyết như sau*:

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS14082 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 30/12/2017 cho ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N tại thửa đất 249, tờ bản đồ số 27, diện tích 248,8m^2 phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS14081 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 30/12/2017 cho ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N tại thửa đất 251, tờ bản đồ số 27, diện tích 96m^2 phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS14080 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 30/12/2017 cho ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N tại thửa đất số 252, tờ bản đồ số 27, diện tích 111,2m^2 phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS14079 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 30/12/2017 cho ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N tại thửa đất số 253, tờ bản đồ số 27, diện tích 113,1m^2 phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất 249, 251, 252, 253, tờ bản đồ số 27, phường Q, thành phố Q, theo diện tích đo đạc thực tế thành 05 kỷ phần cho: ông Đặng Văn S (vợ và các con ông S nhận), Đặng Thị M, Đặng Thị V mỗi người được nhận 01 kỷ phần, riêng ông T1 được nhận 02 kỷ phần do có công sức bảo quản, giữ gìn di sản. Bà M yêu cầu được nhận bằng hiện vật.

- Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất 250, 254, 255, 256, 257, cùng tờ bản đồ số 27, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi theo diện tích đo đạc thực tế thành 04 kỷ phần cho: Đặng Văn S (vợ và các con ông S nhận), Đặng Phương T1, Đặng Thị M, Đặng Thị V, mỗi người được nhận 01 kỷ phần. Bà M yêu cầu được nhận bằng giá trị.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện của bà M, đồng ý nhận ½ kỷ phần thừa kế của ông S mà vợ con ông S giao cho bà M tại các thửa đất 249, 251, 252, 253 thuộc tờ bản đồ số 27, phường Q, thành phố Q.

* *Tại bản trình bày và tại phiên tòa, bị đơn là ông* Đặng Phương T1*, bà* Ngô Thị N *và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà* Nguyễn Thị Thùy L1 *trình bày trình bày:*

Thống nhất với quan hệ huyết thống như nguyên đơn trình bày.

Nguyên thửa đất số 313, tờ bản đồ số 04, diện tích 2.570m² tại phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi là do cha của ông T1 là cụ Đặng Văn P1 tạo lập từ năm 1960. Thực hiện theo Chỉ thị 299/Ttg, cụ P1 đã đăng ký, kê khai đối với thửa đất trên.

Ngày 05/01/1991, cụ P1, cụ D4 và các anh chị em trong gia đình đã lập giấy chia đất vườn cho ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N phần diện tích 1.275m² thuộc thửa đất số 313. Trong Giấy cắt vườn ngày 05/1/1991 có sự làm chứng của ông Nguyễn A2 và ông Phạm Lý l chồng của bà M, bà V và ông Đặng Văn H1 là con của ông Đặng Văn S. Theo nội dung Giấy cắt vườn, cụ P1 đã phân chia đất cụ thể như sau: "*Sau khi đo và chia thì phần phía nam* Đặng Phương T1 *có quyền sử dụng phân chia là 1275m². Phía Bắc ông là* Đặng Văn P1 *sử dụng cho đến khi tuổi già sức yếu thì giao lại cho con hoặc cháu trưởng nam hưởng thừa kế phần đất phía Bắc là 1275m²*". Như vậy, việc ông T1, bà N được cha là cụ Đặng Văn P1 cắt cho đất được các anh chị em trong gia đình đều biết rõ và không ai có ý kiến. Trong quá trình sử dụng, ông T1, bà N thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với nhà nước từ năm 1991 đến nay với phần diện tích đất được cha mẹ cắt chia cho. Sau khi được chia đất, ông T1, bà N xây dựng nhà ở trên đất và quản lý, sử dụng phần diện tích này liên tục, ổn định từ năm 1991 cho đến khi bà Đặng Thị M khởi kiện năm 2020.

Sau khi cụ P1 chết, cụ Đào Thị D4 sử dụng phần diện tích còn lại. Đến năm 1993 cụ D4 chết, nên phần diện tích đất còn lại các anh chị em thống nhất để cho ông Đặng Văn S, bà Nguyễn Thị L2 quản lý, sử dụng.

Ông T1, bà N thống nhất với phần biến động và chuyển nhượng, tặng cho của thửa đất 542 như nguyên đơn trình bày, hiện nay thành thửa đất 249, 250, 251, 252, 253, 254, 255, 256, 257, cùng tờ bản đồ số 27, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Việc ông T1, bà N làm thủ tục cấp GCNQSDĐ và chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất cho người khác là hoàn toàn đúng quy định pháp luật.

Năm 2019, ông T1, bà N có tranh chấp đòi lại phần diện tích 28,7m² thuộc thửa đất 249 trước đây đã cho ông Đặng Văn H1 (là con trai của ông S) mượn làm đường đi. Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã tuyên xử công nhận phần đất này thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông T1, bà N. Bà M, bà V, bà L2 và các con bà L2 đều biết việc tranh chấp này nhưng không ai có ý kiến hay tranh chấp gì.

Nay, đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị M, yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Đặng Thị V và vợ, con của ông S là các ông, bà Nguyễn Thị L2, Đặng Văn H1, Đặng Văn M1, Đặng Thị T2, Đặng Thị B, Đặng Thị L3, Đặng Văn K, ông Đặng Văn H, ông Đặng Văn C, bà Đặng Thị Đ thì ông T1, bà N không đồng ý, đề nghị Tòa án không chấp nhận những yêu cầu này.

** Tại bản trình bày và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là bà* Đặng Thị V *và người đại diện theo ủy quyền là chị* Nguyễn Thị Thanh L *trình bày:*

Thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn là bà Đặng Thị M.

Trong quá trình tòa án giải quyết, bà Đặng Thị V khởi kiện độc lập yêu cầu Tòa án giải quyết những nội dung sau:

- Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N với ông Bùi Phụ K3 thửa đất 2624, tờ bản đồ số 06, diện tích 102,4m^2 phường Q, nay là thửa 257, tờ bản đồ số 27, diện tích 104,1m^2 phường Q, do phòng C2 tỉnh Quảng Ngãi công chứng số 4193 quyển số 05 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/10/2009 là vô hiệu.

- Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N với ông Đỗ Thanh D3 thửa đất số 3982, tờ bản đồ số 06, diện tích 114,5m^2 phường Q, nay là thửa 254 tờ bản đồ số 27, diện tích 113,2m^2 phường Q do phòng C2 tỉnh Quảng Ngãi công chứng số 3433 quyển số 07TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/7/2016 là vô hiệu.

- Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N với ông Phạm Bá T5, bà Đinh Thị Mỹ C1 thửa đất số 2771, tờ bản đồ số 6, diện tích 109,5m^2 phường Q, nay được cấp đổi thành thửa 256 tờ bản đồ số 27, diện tích 111,1m^2 phường Q, do Phòng C2 tỉnh Quảng

Ngãi công chứng số 1638 quyển số 2 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06/6/2009 là vô hiệu.

- Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N với ông Đặng Phương L4, bà Lê Thị K1 thửa đất 3978 tờ bản đồ số 6, diện tích 317,6m^2 phường Q, nay được cấp đổi thành thửa 250, tờ bản đồ số 27, diện tích 319,1m^2 phường Q, do Phòng C2 tỉnh Quảng Ngãi công chứng số 681 quyển số 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/02/2016 là vô hiệu.

- Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N với ông Võ Hoàng P, bà Huỳnh Thị D1 thửa đất 2787 tờ bản đồ số 6, diện tích 116m^2 phường Q, nay được cấp đổi thành thửa 255, tờ bản đồ số 27, diện tích 111,2m^2 phường Q, do Phòng C2 tỉnh Quảng Ngãi công chứng số 3326 quyển số 04 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/9/2009 là vô hiệu.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp cho ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N ngày 30/12/2017 đối với thửa đất 249, tờ bản đồ số 27, diện tích 248,8m^2 phường Q, số vào sổ CS14082.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp cho ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N ngày 30/12/2017 đối với thửa đất 250, tờ bản đồ số 27, diện tích 96m^2 phường Q, số vào sổ CS14081.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp cho ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N ngày 30/12/2017 đối với thửa đất số 252, tờ bản đồ số 27, diện tích 111,2m^2 phường Q, số vào sổ cấp GCN: CS14080.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp cho ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N ngày 30/12/2017 đối với thửa đất số 253, tờ bản đồ số 27, diện tích 113,1m^2 phường Q, số vào sổ cấp GCN: CS14079.

- Yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của cha, mẹ bà chết không để di chúc cho các con. Diện tích thực tế được cấp đổi từ thửa đất 452, tờ bản đồ số 6, phường Q được biến động là 1.328,5m^2. Chia thành 04 kỷ phần, gồm 3 đồng thừa kế là Đặng Phương T1, Đặng Thị V và Đặng Thị M (T) mỗi kỷ phần là 332,1m^2 (1328,5m^2 : 4 phần):

+ Bà Đặng Thị M nhận 01 kỷ phần là 332,1m^2.

+ Ông Đặng Phương T1 được nhận 2 kỷ phần 664,2m^2: 01 kỷ phần chia theo pháp luật và 01 kỷ phần công trông coi gìn giữ di sản thừa kế.

+ Bà Đặng Thị V nhận 01 kỷ phần là 332,1m^2: Bà V yêu cầu chia cho bà thửa đất số 253, diện tích 113,1m^2, tờ bản đồ số 27 tại phường Q, thành phố Q có giới cận: phía Đông giáp đất anh Đặng Phương L4 (con ông Đặng Phương T1), phía Tây giáp đất ông H4, bà D1 nhận chuyển nhượng của ông T1, bà N, phía Bắc giáp đường đi. Còn kỷ phần đất còn lại bà V đồng ý giao lại cho ông Đặng Phương T1, ông T1 phải thối lại giá trị tài sản cho bà.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Đặng Thị V và tại phiên tòa ngày 28/8/2023, người đại diện theo ủy quyền của bà V xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, là yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu.

Bà Đặng Thị V *xác định lại yêu cầu Tòa án giải quyết như sau*:

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS14082 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 30/12/2017 cho ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N tại thửa đất 249, tờ bản đồ số 27, diện tích 248,8m^2 phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS14081 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 30/12/2017 cho ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N tại thửa đất 251, tờ bản đồ số 27, diện tích 96m^2 phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS14080 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 30/12/2017 cho ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N tại thửa đất số 252, tờ bản đồ số 27, diện tích 111,2m^2 phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS14079do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 30/12/2017 cho ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N tại thửa đất số 253, tờ bản đồ số 27, diện tích 113,1m^2 phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất 249, 251, 252, 253, cùng thuộc tờ bản đồ số 27, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi theo diện tích đo đạc thực tế thành 05 kỷ phần cho: Đặng Văn S (vợ và các con ông S nhận), Đặng Thị M, Đặng Thị V, mỗi người được nhận 01 kỷ phần, riêng ông T1 được nhận 02 kỷ phần do có công sức bảo quản, giữ gìn di sản. Bà V yêu cầu được nhận bằng hiện vật.

- Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất 250, 254, 255, 256, 257, cùng thuộc tờ bản đồ số 27, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi theo diện tích đo đạc thực tế thành 04 kỷ phần cho ông Đặng Văn S (vợ và các con ông S nhận), Đặng Phương T1, Đặng Thị M, Đặng Thị V, mỗi người được nhận 01 kỷ phần. Bà V yêu cầu được nhận bằng giá trị.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà V đồng ý nhận ½ kỷ phần thừa kế của ông S mà vợ con ông S giao cho bà V tại các thửa đất 249, 251, 252, 253 thuộc tờ bản đồ số 27, phường Q, thành phố Q.

***** *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là bà* Nguyễn Thị L2*, ông* Đặng Văn M1*, bà* Đặng Thị B*, ông* Đặng Văn C*, bà* Đặng Thị L3*, bà* Đặng Thị T2*, ông* Đặng Văn K*, ông* Đặng Văn H*, bà* Đặng Thị Đ*, ông* Đặng Văn H1 *và người đại diện theo ủy quyền là chị* Nguyễn Thị Thanh L *trình bày:*

Thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn là bà Đặng Thị M.

Bà Nguyễn Thị L2, ông Đặng Văn M1, bà Đặng Thị B, ông Đặng Văn C, bà Đặng Thị L3, bà Đặng Thị T2, ông Đặng Văn K, ông Đặng Văn H, bà Đặng Thị Đ, ông Đặng Văn H1 yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS14082 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 30/12/2017 cho ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N tại thửa đất 249, tờ bản đồ số 27, diện tích 248,8m^2 phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS14081 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 30/12/2017 cho ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N tại thửa đất 251, tờ bản đồ số 27, diện tích 96m^2 phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS14080 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 30/12/2017 cho ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N tại thửa đất số 252, tờ bản đồ số 27, diện tích 111,2m^2 phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS14079do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 30/12/2017 cho ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N tại thửa đất số 253, tờ bản đồ số 27, diện tích 113,1m^2 phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 249, 251, 252, 253 thành 05 kỷ phần cho ông Đặng Văn S, ông Đặng Phương T1, bà Đặng Thị M, bà Đặng Thị V, mỗi người được nhận 01 kỷ phần, riêng ông Đặng Phương T1 được nhận 02 kỷ phần; nhận bằng hiện vật; giao kỷ phần thừa kế mà ông S được nhận cho bà M, bà V. Chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa 250, 254, 255, 256, 257 thành 4 kỷ phần thừa kế cho ông S (giao cho bà L2 và các con nhận), bà Đặng Thị M, bà Đặng Thị V, ông Đặng Phương T1 nhận bằng giá trị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đặng Phương L4*, bà* Lê Thị K1*, ông* Đặng Phương L6*, bà* Nguyễn Thị Hoài D*, bà* Đặng Phương L5 *có văn bản trình bày:*

Thống nhất với phần trình bày của bị đơn, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q *trình bày tại Công văn số 1049/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 26/3/2021 và Công văn số 940/CNTPQN ngày 8/5/2023 (theo chỉ đạo của Sở Tài nguyên và Môi trường số 1744/STNMT-TTr ngày 12/4/2023):*

Ngày 15/5/2006, ông Đặng Phương T1 và bà Ngô Thị N được UBND thành phố Q cấp GCNQSDĐ, số AD 834515, số vào sổ H 00835, thửa đất số 542, tờ bản đồ số 06, diện tích 1217,5m² (300m² ODT và 917,5m² HNK), phường Q, thành phố Q.

Ngày 31/01/2008, ông Đặng Phương T1 và bà Ngô Thị N nộp hồ sơ đề nghị cấp đổi - cấp lại GCNQSDĐ và được UBND thành phố Q cấp GCNQSDĐ cho ông Đặng Phương T1 bà Ngô Thị N, số phát hành AM 811691, số vào sổ H 02485, cấp ngày 14/5/2008, thửa đất số 542, tờ bản đồ số 06, diện tích 1324,9m² (300m² ODT và 1024,9m² HNK), phường Q, thành phố Q.

Ngày 30/5/2008, ông Đặng Phương T1 và bà Ngô Thị N nộp hồ sơ tách thửa đề nghị tách thành 02 thửa như sau:

+ Thửa đất số 2624, tờ bản đồ số 06, diện tích 102,4m² (40m²ODT và 62,4m² HNK), số phát hành AL 966860, số vào sổ H 02803, cấp ngày 11/8/2008, phường Q, thành phố Q.

+ Thửa đất số 2623, tờ bản đồ số 06, diện tích 1222 5m² (260m² ODT và 962,5m² HNK), số phát hành AL 966859, số vào sổ H 02802, cấp ngày 11/8/2008, phường Q, thành phố Q.

Ngày 27/10/2009, ông Đặng Phương T1 và bà Ngô Thị N lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Bùi Phụ K3, thửa đất số 2624, tờ bản đồ số 06, diện tích 102,4m² (40m² ODT và 62,4m² HNK), phường Q, thành phố Q. Hợp đồng được Phòng C2 tỉnh Quảng Ngãi chứng thực số 4193, quyển số 05 TP/CC-SCC/HĐGD, được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Q chỉnh lý trên trang tư GCNQSDĐ ngày 09/12/2009.

Ngày 14/5/2009, ông Đặng Phương T1 và bà Ngô Thị N nộp hồ sơ đề nghị tách thửa đất số 2623 thành 02 thửa như sau:

+ Thửa đất số 2770, tờ bản đồ số 06, diện tích 1113m² (210m² ODT và 903m² HNK), số phát hành AP 322284, số vào sổ H 03426, cấp ngày 22/5/2009, phường Q, thành phố Q.

+ Thửa đất số 2771, tờ bản đồ số 06, diện tích 109,5m² (50m² ODT và 59,5m² HNK), số phát hành AP 322285, số vào sổ H 03427, cấp ngày 22/5/2009, phường Q, thành phố Q.

Ngày 06/6/2009, ông Đặng Phương T1 và bà Ngô Thị N lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Phạm Bá T5 và bà Đinh Thị Mỹ C1, thửa đất số 2771, tờ bản đồ số 06, diện tích 109,5m² (50m² ODT và 59,5m² HNK), phường Q, thành phố Q; Hợp đồng được Phòng C2 tỉnh Quảng Ngãi chứng thực số 1638, quyển số 02TP/CC-SCC/HĐGD, được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Q chỉnh lý trên trang tư GCNQSDĐ ngày 12/6/2009.

Ngày 08/6/2009, ông Đặng Phương T1 và bà Ngô Thị N nộp hồ sơ đề nghị tách thửa đất số 2770 thành 02 thửa như sau:

+ Thửa đất số 2788, tờ bản đồ số 06, diện tích 997m² (160m² ODT và 837m² HNK), số phát hành AP 415543, số vào sổ H 03490, cấp ngày 15/6/2009, phường Q, thành phố Q.

+ Thửa đất số 2787, tờ bản đồ số 06, diện tích 116m² (50m² ODT và 66m² HNK), số phát hành AP 415544, số vào sổ H 03491, cấp ngày 15/6/2009, phường Q, thành phố Q.

Ngày 03/9/2009, ông Đặng Phương T1 và bà Ngô Thị N lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Võ Hoàng P và bà Huỳnh Thị D1, thửa đất số 2787, tờ bản đồ số 06, diện tích 116m² (50m² ODT và 66m² HNK), Hợp đồng được Phòng C2 tỉnh Quảng Ngãi chứng thực số 3326, quyển số 04 TP/CC-SCC/HĐGD, được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Q chỉnh lý trên trang tư GCNQSDĐ ngày 02/12/2009.

Ngày 26/5/2015, ông Đặng Phương T1 và bà Ngô Thị N nộp hồ sơ đề nghị xác định lại diện tích đất ở của thửa đất số 2788, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q chỉnh lý trên trang tư GCNQSDĐ, từ đất trồng cây hàng năm khác thành đất ở đô thị là 837m².

Ngày 21/12/2015, ông Đặng Phương T1 và bà Ngô Thị N nộp hồ sơ đề nghị tách thửa đất số 2788, thành 06 thửa như sau:

+ Thửa đất số 3977, tờ bản đồ số 06, diện tích 222,6m² ODT, số phát hành CC 651265, số vào sổ H 10017, cấp ngày 20/01/2016.

+ Thửa đất số 3978, tờ bản đồ số 06, diện tích 317,6m² ODT, số phát hành CC 651266, số vào sổ H 10016, cấp ngày 20/01/2016.

+ Thửa đất số 3979, tờ bản đồ số 06, diện tích 89,8m² ODT, số phát hành CC 651267, số vào sổ H 10018, cấp ngày 20/01/2016.

+ Thửa đất số 3980, tờ bản đồ số 06, diện tích 113,1m² ODT, số phát hành CC 651268, số vào sổ H 10019, cấp ngày 20/01/2016.

+ Thửa đất số 3981, tờ bản đồ số 06, diện tích 113,8m² ODT, số phát hành CC 651269, số vào Sổ H 10020, cấp ngày 20/01/2016.

+ Thửa đất số 3982, tờ bản đồ số 06, diện tích 114,5m² ODT, số phát hành CC 651270, số vào sổ H 10021, cấp ngày 20/01/2016.

Ngày 22/02/2016, ông Đặng Phương T1 và bà Ngô Thị N lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Đặng Phương L4 và bà Lê Thị K1, thửa đất số 3978, tờ bản đồ số 06, diện tích 317,6m² ODT, Hợp đồng được Phòng C2 tỉnh Quảng Ngãi chứng thực số 681, quyển số 02TP/CC-SCC/HĐGD và được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh - Chi nhánh thành phố Q chỉnh lý trên trang ba GCNQSDĐ ngày 18/3/2016.

Ngày 11/7/2016, ông Đặng Phương T1 và bà Ngô Thị N lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Thanh D3, thửa đất số 3982, tờ bản đồ số 06, diện tích 114,5m² ODT, Hợp đồng được Phòng C2 tỉnh Quảng Ngãi chứng thực số 3433, quyển số 07TP/CC-SCC/HĐGD và được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh - Chi nhánh thành phố Q chỉnh lý trên trang ba GCNQSDĐ ngày 28/7/2016.

Ngày 15/4/2017, ông Đặng Phương T1 và bà Ngô Thị N có đơn đề nghị cấp đổi GCNQSDĐ thửa đất số 3977, tờ bản đồ số 06 theo dự án đo đạc 20 xã, phường và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp GCNQSDĐ số phát hành CL 558217, số vào sổ CS 14082, cấp ngày 30/12/2017, thửa đất số 249, tờ bản đồ số 27, diện tích 248,8m² ODT, phường Q, thành phố Q.

Ngày 17/4/2017, ông Đặng Phương L4 và bà Lê Thị K1 có đơn đề nghị cấp đổi giấy GCNQSDĐ thửa đất số 3978, tờ bản đồ số 06 theo dự án đo đạc 20 xã, phường và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp GCNQSDĐ cho ông Đặng Phương L4 và bà Lê Thị K1, số phát hành CL 462274, số vào sổ CS 13986, cấp ngày 30/12/2017, thửa đất số 250, tờ bản đồ số 27, diện tích 319,1m² ODT, phường Q, thành phố Q.

Ngày 15/4/2017, ông Đặng Phương T1 và bà Ngô Thị N có đơn đề nghị cấp đổi GCNQSDĐ, thửa đất số 3979, tờ bản đồ số 06 theo dự án đo đạc 20 xã, phường và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp GCNQSDĐ số phát hành CL 558216, số vào sổ CS 14081, cấp ngày 30/12/2017, thửa đất số 251, tờ bản đồ số 27, diện tích 96,0m² ODT, phường Q, thành phố Q.

Ngày 15/4/2017, ông Đặng Phương T1 và bà Ngô Thị N có đơn để nghị cấp đổi GCNQSDĐ thửa đất số 3980, tờ bản đồ số 06 theo dự án đo đạc 20 xã, phường và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp GCNQSDĐ số phát hành CL 558215, số vào sổ CS 14080, cấp ngày 30/12/2017, thửa đất số 252, tờ bản đồ số 27, diện tích 112,7m² ODT, phường Q, thành phố Q.

Ngày 15/4/2017, ông Đặng Phương T1 và bà Ngô Thị N có đơn đề nghị cấp đổi GCNQSDĐ thửa đất số 3981, tờ bản đồ số 06 theo dự án đo đạc 20 xã, phường và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp GCNQSDĐ số phát hành CL 558214, số vào sổ CS 14079, cấp ngày 30/12/2017, thửa đất số 253, tờ bản đồ số 27, diện tích 113,2m² ODT, phường Q, thành phố Q.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông* Đỗ Thanh D3*, bà* Lê Thị Ngọc T8 *có văn bản trình bày:*

Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông D3, bà T8 với ông T1, bà N tại thửa đất số 3982, tờ bản đồ số 06, phường Q, thành phố Q đúng quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông* Phạm Bá T5*, bà* Đinh Thị Mỹ C1*, ông* Bùi Phụ K3*, ông* Bùi T6*, bà* Trần Thị Xuân A*, anh* Bùi Phụ T7*, ông* Võ Hoàng P*, bà* Huỳnh Thị D1*, ông* Đinh Văn H4*, bà* Đỗ Thị Thanh D2*:*

Không có văn bản trình bày ý kiến và không đến Tòa án để làm việc theo Giấy triệu tập của Tòa án.

Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2023/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 34, Điều 157, Điều 161, khoản 3 Điều 218, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 256 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 136 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 189, Điều 221, Điều 237, Điều 247,

Điều 612, Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 50, 106 Luật đất đai năm 2003; Điều 167 Luật Đất đai năm 2013; Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 31/12/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội; Án lệ số 40/2021/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 23/02/2021, được công bố theo Quyết định số 42/QĐ-CA ngày 12/3/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị M.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị M, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị V yêu cầu Tòa án:

Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N với ông Đặng Phương L4, bà Lê Thị K1 tại thửa đất 3978 tờ bản đồ số 6 (nay được cấp đổi thành thửa 250, tờ bản đồ số 27), phường Q, do Phòng C2 tỉnh Quảng Ngãi công chứng số 681 quyển số 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/02/2016 là vô hiệu.

Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N với ông Đỗ Thanh D3 tại thửa đất số 3982, tờ bản đồ số 06 (nay là thửa 254 tờ bản đồ số 27), phường Q do Phòng C2 tỉnh Quảng Ngãi công chứng số 3433 quyển số 07TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/7/2016 là vô hiệu.

Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N với ông Võ Hoàng P, bà Huỳnh Thị D1 tại thửa đất 2787 tờ bản đồ số 6 (nay được cấp đổi thành thửa 255, tờ bản đồ số 27), phường Q, do Phòng C2 tỉnh Quảng Ngãi công chứng số 3326 quyển số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/9/2009 là vô hiệu.

Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N với ông Phạm Bá T5, bà Đinh Thị Mỹ C1 tại thửa đất số 2771, tờ bản đồ số 6 (nay được cấp đổi thành thửa 256 tờ bản đồ số 27), phường Q, do Phòng C2 tỉnh Quảng Ngãi công chứng số 1638 quyển số 2TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06/6/2009 là vô hiệu.

Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N với ông Bùi Phụ K3 tại thửa đất 2624, tờ bản đồ số 06 (nay là thửa 257, tờ bản đồ số 27) phường Q, do Phòng C2 tỉnh Quảng Ngãi công chứng số 4193 quyển số 05TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/10/2009 là vô hiệu.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị M, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị V, bà Nguyễn Thị L2 và các con gồm: Ông Đặng Văn M1, bà Đặng Thị B, ông Đặng

Văn C, bà Đặng Thị L3, bà Đặng Thị T2, ông Đặng Văn K, ông Đặng Văn H, bà Đặng Thị Đ, ông Đặng Văn H1 về:

Chia thừa kế theo pháp luật đối với các thửa đất số 249, 250, 251, 252, 253, 254, 255, 256, 257, cùng tờ bản đồ số 27, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị M, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị V, bà Nguyễn Thị L2 và ông Đặng Văn M1, bà Đặng Thị B, ông Đặng Văn C, bà Đặng Thị L3, bà Đặng Thị T2, ông Đặng Văn K, ông Đặng Văn H, bà Đặng Thị Đ, ông Đặng Văn H1 về:

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS14082 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp cho ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N ngày 30/12/2017 đối với thửa đất 249, tờ bản đồ số 27, diện tích 248,8m^2 phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS14081 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp cho ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N ngày 30/12/2017 đối với thửa đất 251, tờ bản đồ số 27, diện tích 96m^2 phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS14080 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp cho ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N ngày 30/12/2017 đối với thửa đất số 252, tờ bản đồ số 27, diện tích 111,2m^2 phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS14079 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp cho ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N ngày 30/12/2017 đối với thửa đất số 253, tờ bản đồ số 27, diện tích 113,1m^2 phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Về chi phí tố tụng:

5.1. Chi phí đo đạc, thẩm định giá, xem xét thẩm định tại chỗ:

Bà Đặng Thị M, bà Đặng Thị V mỗi người phải chịu 6.400.000 đồng chi phí tố tụng. Bà Nguyễn Thị L2 và các con gồm: ông Đặng Văn M1, bà Đặng Thị B, ông Đặng Văn C, bà Đặng Thị L3, bà Đặng Thị T2, ông Đặng Văn K, ông Đặng Văn H, bà Đặng Thị Đ, ông Đặng Văn H1 phải chịu chung 6.400.000 đồng.

Bà Đặng Thị M phải trả lại cho bà Đặng Thị V 4.100.000 đồng (bốn triệu một trăm nghìn đồng). Bà Nguyễn Thị L2 và các con gồm: ông Đặng Văn K, ông Đặng Văn H1, bà Đặng Thị B, bà Đặng Thị Đ, bà Đặng Thị T2, ông Đặng Văn H, bà Đặng Thị L3, ông Đặng Văn M1, ông Đặng Văn C phải trả lại cho bà Đặng Thị V 6.400.000 đồng (sáu triệu bốn trăm nghìn đồng).

5.2. Chi phí giám định:

Bà Đặng Thị V và bà Đặng Thị M mỗi người phải chịu 1.750.000 đồng tiền chi phí giám định. Bà Đặng Thị V phải trả lại cho ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N số tiền là 1.750.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), bà Đặng Thị M phải trả lại cho ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N số tiền là 1.750.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

6.1 Bà Đặng Thị M, bà Đặng Thị V, bà Nguyễn Thị L2 được miễn nộp án phí.

6.2 Ông Đặng Văn M1, bà Đặng Thị B, ông Đặng Văn C, bà Đặng Thị L3, bà Đặng Thị T2, ông Đặng Văn K, ông Đặng Văn H, bà Đặng Thị Đ, ông Đặng Văn H1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 16.013.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000700 ngày 07/02/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi (ông Đặng Văn H1 nộp).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L2, ông Đặng Văn M1, bà Đặng Thị B, ông Đặng Văn C, bà Đặng Thị L3, bà Đặng Thị T2, ông Đặng Văn K, ông Đặng Văn H, bà Đặng Thị Đ, ông Đặng Văn H1 13.313.000 đồng (mười ba triệu ba trăm mươi ba nghìn đồng).

Bản án còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

***Ngày 08 tháng 9 năm 2023, bà** Đặng Thị M **là nguyên đơn; bà** Đặng Thị V**, ông** Đặng Văn M1**, bà** Đặng Thị T2**, bà** Đặng Thị B**, bà** Đặng Thị L3**, ông** Đặng Văn K**, ông** Đặng Văn C**, ông** Đặng Văn H**,ông** Đặng Văn H1**, bà** Đặng Thị Đ**, là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo, nội dung kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm*:**

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS14082 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp cho ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N ngày 30/12/2017 đối với thửa đất 249, tờ bản đồ số 27, diện tích 248,8m^2 phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS14081 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp cho ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N ngày 30/12/2017 đối với thửa đất 251, tờ bản đồ số 27, diện tích 96m^2 phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS14080 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp cho ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N ngày 30/12/2017 đối với thửa đất số 252, tờ bản đồ số 27, diện tích 111,2m^2 phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS14079 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp cho ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N ngày 30/12/2017 đối với thửa đất số 253, tờ bản đồ số 27, diện tích 113,1m^2 phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của cụ P1, cụ D4 tại thửa đất 542, tờ bản đồ số 6, phường Q được biến động là 1328,5m^2. Quá trình sử dụng đã tách thành các thửa đất số 249, 250, 251, 252, 253, 254, 255, 256,257 tờ bản đồ số 27, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật các thửa đất 249, 251, 252, 253 tờ bản đồ số 27, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi thành 4 kỷ phần; bà V, bà M mỗi người nhận một kỷ phần, ông T1 được nhận 2 kỷ phần; bà V, bà M yêu cầu được nhận bằng hiện vật là quyền sử dụng đất (vợ và các con ông S từ chối nhận di sản và giao lại cho bà V, bà M), giao ông T1 nhận thửa đất số 249, giao cho bà M, bà V nhận thửa đất số 251, 252, 253.

Yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật các thửa đất 250, 254, 255, 256,257 thành 5 kỷ phần bằng nhau cho ông T1, bà M, bà V, ông S mỗi người nhận số tiền 391.700.000 đồng. Hiện nay ông T1 đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất các thửa 250, 254, 255, 256, 257 nên ông T1 phải chịu trách nhiệm hoàn trả lại giá trị cho bà M, bà V, ông S (ông S đã chết nên vợ và các con ông S nhận số tiền này).

Tại phiên tòa phúc thẩm Người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị M, bà Đặng Thị V, bà Nguyễn Thị L2, ông Đặng Văn M1, bà Đặng Thị B, ông Đặng Văn C, bà Đặng Thị L3, bà Đặng Thị T2, ông Đặng Văn K, ông Đặng Văn H, bà Đặng Thị Đ, ông Đặng Văn H1 là bà Nguyễn Thị Thanh L giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: HĐXX đã chấp hành hành đúng các qui định về tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà M, bà V, bà L2 và các con; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà M, bà V. Buộc các con bà L2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung:

[1.1] Xét kháng cáo của bà Đặng Thị M, Đặng Thị V và các ông bà Đặng Văn K, Đặng Văn H1, Đặng Thị B, Đặng Thị Đ, Đặng Thị T2, Đặng Văn H, Đặng Thị L3, Đặng Văn M1, Đặng Văn C thì thấy. Nguyên đơn, Bị đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Bà V, bà L2 và các ông bà K, H1, B, Đ, T2, H, L3, M1, C đều xác định thửa đất số 313, tờ bản đồ số 4 bản đồ đo vẽ theo Chỉ thị 299/TTg, diện tích 2.530m^2, loại ruộng đất T, đăng ký tại trang số 188, số thứ tự 549, quyển số 01. Bản đồ đo vẽ 1993 thửa 313 tách thành hai thửa đất, gồm: thửa đất 466, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.325m^2, loại đất T; thửa đất số

542, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.185m^2, loại đất T, xã Q (nay là phường Q), thành phố Q có nguồn gốc của cụ Đặng Văn P1, cụ Đào Thị D4 tạo lập. Nên xác định thửa đất số 313 là tài sản chung của cụ Đặng Văn P1, cụ Đào Thị D4, trước khi hai cụ chết, hai cụ chưa làm hồ sơ để được UBND thị xã Q (nay là UBND thành phố) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 313, tờ bản đồ số 4, đo vẽ theo Chỉ thị 299/TTg (sau đây gọi tắt là thửa 313).

[1.2] Trên cơ sở bản đồ đo vẽ năm 1993, xã Q, thị xã Q (nay là thành phố Q) và xác nhận của cơ quan Thuế là ông T1 nộp thuế sử dụng thửa đất 542 từ năm 1991, từ đó đủ căn cứ xác định dựa vào việc sử dụng của hai chủ sử dụng đất khác nhau, nên năm 1993 thửa đất số 313 của cụ P1, cụ D4 đã được tách thành 2 thửa đất, thửa 542 vợ chồng ông T1, bà N quản lý, sử dụng; thửa 466 cụ D4 quản lý, sử dụng.

Ngày 15/5/2006, ông Đặng Phương T1 và bà Ngô Thị N được UBND thành phố Q cấp GCNQSDĐ, số AD 834515, số vào sổ H 00835, thửa đất số 542, tờ bản đồ số 06, diện tích 1217,5m² (300m² ODT và 917,5m² HNK), phường Q, thành phố Q. Hiện nay thửa 542 đã tách ra thành các thửa đất 249, 250, 251, 252, 253, 254, 255, 256, 257 tờ bản đồ số 27, phường Q, thành phố Q, các Giấy chứng nhận QSDĐ đều do Sở T cấp.

Ngày 02/7/2013, hộ bà Nguyễn Thị L2 được UBND thành phố Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP391596, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH7904, thửa đất số 466, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.329,1m^2. Bà L2 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q đồng ý tách thửa đất 466 thành 2 thửa là thửa 3853, 3854, để chuyển nhượng và tặng cho ông Đặng Văn H1.

[2] Bà M, bà V, bà L2 và các con gồm: ông bà Đặng Văn K, Đặng Văn H1, Đặng Thị B, Đặng Thị Đ, Đặng Thị T2, Đặng Văn H, Đặng Thị L3, Đặng Văn M1, Đặng Văn C (Sau đây gọi tắt là bà L2 và các con) đều xác nhận ông T1, bà N được cụ P1, cụ D4 cho ở riêng, trên thửa đất 313 từ trước năm 1985. Ông T1, bà N xây nhà ở, sử dụng ổn định nhiều năm trước khi cụ P1, cụ D4 chết (bút lục 1425); cơ quan Thuế xác nhận ông T1, bà N là người nộp thuế sử dụng diện tích đất được cụ P1, cụ D4 cho làm nhà. Như vậy, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định ông T1, bà N đã được cụ P1, cụ D4 cho sử dụng diện tích đất trong thửa đất số 313 để làm nhà, sinh sống riêng từ năm 1985.

[2.1] Ông T1 cho rằng, năm 1991 ông được cha mẹ (cụ P1, cụ D4) cắt diện tích đất thửa 542 tại '*Giấy cắt vườn*". Lời khai này phù hợp với kết quả xác minh, hồ sơ cấp GCNQSDĐ thửa 542 và thửa 466 tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh – Chi nhánh thành phố Q, theo " *Giấy cắt vườn*" bản gốc, có các chữ ký, chữ viết "*Phòng,* Đặng Văn P1", "T1, Đặng Phương T1", "H1, Đặng Văn H1"; "*A,* Nguyễn A2" là chồng của bà M, "*Lý,* Phan L10" là chồng bà V. Nội dung của "*Giấy cắt vườn*": "*Đo tổng quát được 2550m^2...Sau khi đó và chia phía Nam cho* Đặng Phương T1 *có quyền sử dụng phần chia là 1275m^2, phía Bắc ông* Đặng Văn P1 *sử dụng cho đến khi tuổi già sức yếu thì giao lại cho con hoặc cháu trưởng Nam hưởng thừa kế phần đất phía Bắc là 1275m^2. Sau khi viết giấy này gia đình nội ngoại đã thống nhất và cùng nhau ký vào giấy này*".

Ngoài ra, tại Biên bản làm việc (bút lục 1120) ông thừa nhận "*tại buổi giỗ tổ chức tại nhà ông bà nội thì cụ* P1 *có lập giấy cắt vườn ngày 05/01/1991, Ông có ký vào Giấy cắt vườn. Đối với Giấy cắt vườn của cụ* P1 *chia cho cha ông là ông* Đặng Văn S *và chú ông là ông* Đặng Phương T1*, mỗi người ½ mảnh vườn thì ông thống nhất"*. Như vậy có đủ cơ sở khẳng định "*Giấy cắt vườn"* được viết theo ý chí của cụ P1 và được lập tại nhà của cụ P1, cụ D4 nhân ngày đám giỗ là sự thật.

[2.2] Tại hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 542 của ông T1, bà N có "*Giấy xác nhận quyền thừa kế sử dụng đất vườn, nhà ở hợp pháp*" đề ngày 15/11/2005 (bút lục 1515), nội dung *"... thống nhất phân chia bằng miệng không lập giấy tờ, thống nhất cho anh trai tôi là* Đặng Văn S *khoảng 1.300m*^{2} *và ông* Đặng Phương T1 *diện tích khoảng 1.300m*^{2}*. Nay anh em chúng tôi họp gia đình thống nhất lại việc giao đất cho ông* Đặng Phương T1 *sử dụng, anh em chúng tôi không tranh chấp…*", Giấy này có chữ ký của ông Đặng Văn S là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ P1, cụ D4. Do đó, việc bà L2 và các con yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng thửa đất 542 là không phù hợp với quy định của pháp luật về thừa kế. Vì ông S xác định quyền sử dụng hợp pháp thửa đất 542 cho ông T1, ông S không tranh chấp. Nên bà L2 và các con không có quyền thay đổi quyền quyết định của ông S, người được hưởng thừa kế di sản theo quy định pháp luật của cụ P1, cụ D4.

[2.3] Biên bản làm việc ngày 06/7/2022, bà Đặng Thị V trình bày "*Bà không biết gì về Giấy cắt vườn do cha bà lập ngày 05/01/1991, nhưng sau đó cha bà có nói lại cho bà nghe và các anh chị em của bà nghe về việc cắt mảnh vườn cho ông* T1 *½, còn ½ còn lại giao cho ông* S. *Bà không ký tên vào Giấy cắt vườn ngày 05/01/1991*" (Bút lục 1118, 1119). Như vậy, đủ căn cứ xác định bà V đã biết việc cụ P1 cắt chia đất vườn nhà của cụ P1 làm hai phần, một phần cắt cho ông T1, một phần cụ P1, cụ D4 sử dụng.

[2.4] Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 13/7/2022 (bút lục 1121) bà Đặng Thị M trình bày "*Đối với Giấy cắt vườn của cụ* P1 *chia cho ông* Đặng Văn S *và ông* Đặng Phương T1*, mỗi người ½ mảnh vườn thì bà có ý kiến như sau: Bà thống nhất với việc cắt ½ mảnh vườn cho ông* S*, đối với ông* T1 *thì bà không đồng ý vì bà không biết gì về việc cụ* P1 *cắt đất chia cho ông* T1". Trên cơ sở trình bày của bà M, đủ cơ sở khẳng định bà M biết cụ P1 lập "*Giấy cắt vườn*" cắt cho đất cho ông T1. Còn bà M không có quyền buộc cụ Phòng không được cho đất ông T1, vì ½ diện tích của thửa 313 thuộc quyền định đoạt của cụ P1, cụ P1 là người chủ sở hữu tài sản có quyền cho tặng tài sản của cụ, mà không ai được quyền cản trở.

[2.5] "*Giấy xác nhận quyền thừa kế sử dụng đất vườn, nhà ở hợp pháp"* đề ngày 15/11/2005 (bút lục 1517) trong hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ của ông T1 năm 2005, có chữ ký của ông H1 là một trong những người yêu cầu chia di sản thừa kế, bà L là đại diện của ông H1 xác nhận đây là chữ ký, chữ viết của ông H1. Như vậy, khẳng định ông H1 (con của ông S, bà L2) biết việc ông nội là cụ P1 cắt cho ông T1 được quyền sử dụng ½ thửa đất số 313 từ năm 1991 nên ông H1 đã ký xác nhận vào giấy này. Ngoài ra, ông H1 còn ký tên vào biên bản xác

nhận ranh giới giữa thửa 542 và thửa 466 không có tranh chấp để ông T1 được UBND thị xã Q (Nay là thành phố) cấp GCNQSDĐ năm 2005. Do đó, việc ông H1 yêu cầu chia thừa kế diện tích đất cụ P1 đã cho ông T1 là không có căn cứ.

[3] Việc bà V, bà M, bà L2 và các con cho rằng hồ sơ cấp GCNQSDĐ của ông T1 năm 2005 không có chữ ký của bà V, bà M nên hồ sơ cấp GCN của ông T1 vi phạm pháp luật. Thấy rằng, phần diện tích đất phía Nam cụ P1 cho ông T1 sử dụng từ năm 1985, đến năm 1991 cụ P1 lập "*Giấy cắt vườn*" cho đất ông T1 để ông T1 có quyền, nghĩa vụ với diện tích đã được cho, nên Hồ sơ cấp GCNQSDĐ của ông T1 không cần có chữ ký của bà V, bà M. Còn nội dung phân định trong "*Giấy cắt vườn*" cụ P1 quyết định "*phía Bắc ông* Đặng Văn P1 *sử dụng cho đến khi tuổi già sức yếu thì giao lại cho con hoặc cháu trưởng Nam hưởng thừa kế phần đất phía Bắc là 1275m^{2}*" của cụ P1, các con của cụ P1, cụ D4 là bà M, bà V và ông T1 phải ký thì bà L2 mới được cấp giấy CNQSDĐ thửa đất số 466, vì bà L2 không phải là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ P1, cụ D4.

[3.1] "*Đơn xin xác nhận căn nguyên sử dụng đất"* đề ngày 14/3/2013 của bà Nguyễn Thị L2 (bút lục 1508), trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận thửa đất 466 có nội dung *"Nguyên đất của ông* Đặng Văn P1 *và bà* Đào Thị D4 *tạo lập từ năm 1960. Năm 1991 ông* Đặng Văn P1 *lập giấy cắt vườn cho con ông* Đặng Phương T1 *với diện tích 1275m^{2}. Năm 2006 ông* Đặng Phương T1 *đã được* U *cấp giấy CNQSD đất với diện tích 1217,5m^{2}. Phần diện tích còn lại* Đặng Văn P1 *tiếp tục sử dụng. Theo giấy cắt đất vườn năm 1991 thì sau khi ông* P1 *chết thì phần diện tích này giao cho con hoặc cháu trưởng nam thừa kế, vợ chồng ông* Đặng Văn P1 *và bà* Đào Thị D4 *có 4 người con là ông* Đặng Văn S*, ông* Đặng Phương T1*, bà* Đặng Thị V*, bà* Đặng Thị M...". Với nội dung trong *"Đơn xin xác nhận căn nguyên sử dụng đất*" của bà L2 và quả Kết luận giám định số 563/KL-KTHS ngày 18/6/2023 của Phòng K5 Công an tỉnh Q (bút lục 1588, 1589) xác định chữ ký trong "*Đơn xin xác nhận căn nguyên sử dụng đất"* đề ngày 14/3/2013 của bà Nguyễn Thị L2 (bút lục 1508) là chữ ký, chữ viết của bà M, bà V. Nên đủ căn cứ khẳng định bà M, bà V, bà L2 và các con đều biết về *'Giấy cắt vườn*" lập năm 1991 của cụ P1 và biết việc ông T1 được cha (cụ P1) cắt cho đất năm 1991, được UBND thành phố Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2006. Như vậy đủ căn cứ xác định bà M, bà V, bà L2 và các con đều biết ông T1 được cụ P1 cắt đất cho năm 1991, năm 2005 ông T1 xin UBND thành phố Q công nhận quyền sử dụng thửa đất 542, nhưng không tranh chấp và mặc định thửa đất 542 là ông T1 được Cha mẹ cho quyền sử dụng.

[3.2] Điều 15 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986 quy định "*Vợ, chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với tài sản chung..."*, năm 1985 cụ P1, cụ D4 đồng ý cho đất ông T1, bà N xây dựng nhà ở riêng trên thửa đất 313, không ở chung với hai cụ. Như vậy, đây là việc hai cụ đã định đoạt quyền sở hữu chung, đó là cho con (ông T1, bà N) được quyền sử dụng đất, được xây dựng nhà trên thửa đất 313 của hai cụ.

[3.4] Thửa đất 313 là tài sản chung của cụ P1, cụ D4, "*Giấy cắt vườn*", cụ P1 lập trong đó cụ đã định đoạt phần quyền sở hữu của cụ đó là cho ông T1 ½

diện tích thửa đất 313; việc cắt ½ diện tích thửa đất 313 cho ông T1 của cụ P1, không xâm phạm đến quyền lợi của cụ D4, vì ½ diện tích thửa đất 313 cụ P1 không định đoạt luôn cho ai trong '*Giấy cắt vườn*", cụ P1 vẫn xác định phần diện tích đất phía Bắc cụ và cụ D4 tiếp tục sử dụng cho đến khi hai cụ chết. Như vậy; từ năm 1991 ông T1, bà N nộp thuế sử dụng diện tích đất được cho; năm 2006 ông T1 được UBND thành phố Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất ông T1 được cụ P1, cụ D4 cho làm nhà ở từ năm 1985, nên xác định từ năm 2006 ông T1, bà N đã là chủ sở hữu ½ diện tích đất của thửa 313.

[3.5] Bà M, bà V, bà L2 và các con xác nhận ông T1, bà N được cụ P1, cụ D4 cho đất làm nhà ở riêng trên thửa đất 313 từ năm 1985 và diện tích đất hiện nay ông T1, bà N sử dụng đúng như diện tích đất, vị trí đất trong "*Giấy cắt vườn*" lập năm 1991 của cụ P1. Điều 236 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định; Xác lập quyền sở hữu theo thời hiệu do chiếm hữu, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật "*Người chiếm hữu, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật nhưng ngay tình, liên tục, công khai trong thời hạn 10 năm đối với động sản, 30 năm đối với bất động sản thì trở thành chủ sở hữu tài sản đó kể từ thời điểm bắt đầu chiếm hữu…"*. Căn cứ quy định pháp luật, đến năm 2015 ông T1, bà N đã được xác lập quyền sở hữu thửa đất 542 theo thời hiệu, vì cụ P1, cụ D4, bà M, bà V, bà L2 và các con không tranh chấp.

[4] Ngày 15/5/2019, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử vụ án: "*Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất*", giữa ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N với bị đơn ông Đặng Văn H1, bà Nguyễn Thị S1 (bút lục 234 đến 237). Tài liệu trong hồ sơ vụ án có " *Giấy cho mượn đất làm đường đi*" của ông H1, bà S1, nội dung "*Nay hai bên thống nhất viết giấy này cho ông* H1 *bà* S1 *mượn số đất nói trên (27m*^{2}*). Khi nào các cô* Đặng Thị V, Đặng Thị T10 *đòi hỏi về quyền lợi thì phần đất đó giải quyết cho hai cô*". Tại phiên tòa ông H1 xác nhận vợ chồng ông T1, bà N đã đưa cho bà M (T10), bà V 50.000.000 đồng. Tại bản án yêu cầu chia thừa kế này, Tòa án cấp sơ thẩm có nhận định nội dung trên, nhưng bà V, bà M không kháng cáo đối với nhận định về việc bà V, bà M nhận của ông T1 50.000.000 đồng. Do đó việc các con của ông S và bà L2 trong đó có ông H1 có ý kiến thay cho bà V, bà M không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Bà L2 được UBND thành phố Q công nhận quyền sử dụng ½ diện tích thửa đất 313 của cụ P1, cụ D4 (thửa đất số 466) năm 2013, sau đó bà L2 đã tách thửa 466 thành 2 thửa, thửa 3853 và thửa 3854, bà L2 đã chuyển nhượng thửa 3854 và cho ông H1 thửa 3853 (bút lục 236, 237). Do đó đủ cơ sở xác định quyết định hành chính cá biệt là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP391596, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH7904, UBND thành phố Q cấp ngày 02/7/2013 cho hộ bà Nguyễn Thị L2 có hiệu lực pháp luật dựa trên cơ sở "*Giấy cắt vườn*" năm 1991 của cụ P1 và "*Đơn xin xác nhận căn nguyên sử dụng đất"* đề ngày 14/3/2013. Như vậy, khẳng định bà V, bà M, bà L2 đồng ý với việc ông T1 được quyền sử dụng ½ thửa đất 313 trên cơ sở '*Giấy cắt vườn'* của cụ P1 lập năm 1991.

[6] Từ những nhận trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M và yêu cầu của bà V, bà L2 và các ông bà: K, H1, B, Đ, T2, H, L3, M1, C về việc chia thừa kế đối với thửa đất 542 (nay là các thửa 249, 250, 251, 252, 253, 254, 255, 256, 257 tờ bản đồ số 27), phường Q, thành phố Q và yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số vào sổ CS14082, CS14081, CS14080, CS14079 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 30/12/2017 cho ông Đặng Phương T1, bà Ngô Thị N tại thửa đất 249, 251, 252, 253, tờ bản đồ số 27, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi là đúng quy định pháp luật. Vì vậy; bác toàn bộ kháng cáo của các đương sự. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2023/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

[7] Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[14] Về án phí dân sự phúc thẩm:

[15.1] Bà Đặng Thị M, bà Đặng Thị V mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, do không được chấp nhận kháng cáo. Tuy nhiên, bà M, bà V là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp án phí nên được miễn nộp án phí theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

[15.2] Ông Đặng Văn M1, bà Đặng Thị B, ông Đặng Văn C, bà Đặng Thị L3, bà Đặng Thị T2, ông Đặng Văn K, ông Đặng Văn H, bà Đặng Thị Đ, ông Đặng Văn H1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016 ngày 31/12/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.700.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000123, 0000122, 0000121, 0000120, 0000119, 0000118, 0000117, 0000116, 0000115 ngày 29/09/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi (ông Đặng Văn H1 nộp).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 256 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 136 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 189, Điều 221, Điều 237, Điều 247, Điều 612, Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 50, 106 Luật đất đai năm 2003; Điều 167 Luật Đất đai năm 2013; Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15, Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016 ngày 31/12/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội; Án lệ số 40/2021/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 23/02/2021, được công bố theo Quyết định số 42/QĐ-CA ngày 12/3/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bà Đặng Thị M, bà Đặng Thị V, ông Đặng Văn M1, bà Đặng Thị B, ông Đặng Văn C, bà Đặng Thị L3, bà Đặng Thị T2, ông Đặng Văn K, ông Đặng Văn H, bà Đặng Thị Đ, ông Đặng Văn H1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 20/2023/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Đặng Thị M, bà Đặng Thị V mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng. Tuy nhiên, bà M, bà V là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp án phí nên được miễn nộp án phí theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

- Ông Đặng Văn M1, bà Đặng Thị B, ông Đặng Văn C, bà Đặng Thị L3, bà Đặng Thị T2, ông Đặng Văn K, ông Đặng Văn H, bà Đặng Thị Đ, ông Đặng Văn H1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016 ngày 31/12/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.700.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000123, 0000122, 0000121, 0000120, 0000119, 0000118, 0000117, 0000116, 0000115 ngày 16/10/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi (ông Đặng Văn H1 nộp).

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND tối cao;*
- *VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;*
- *TAND và VKSND tỉnh Quảng Ngãi;*
- *Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án; PHCTP,* LT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Tồn